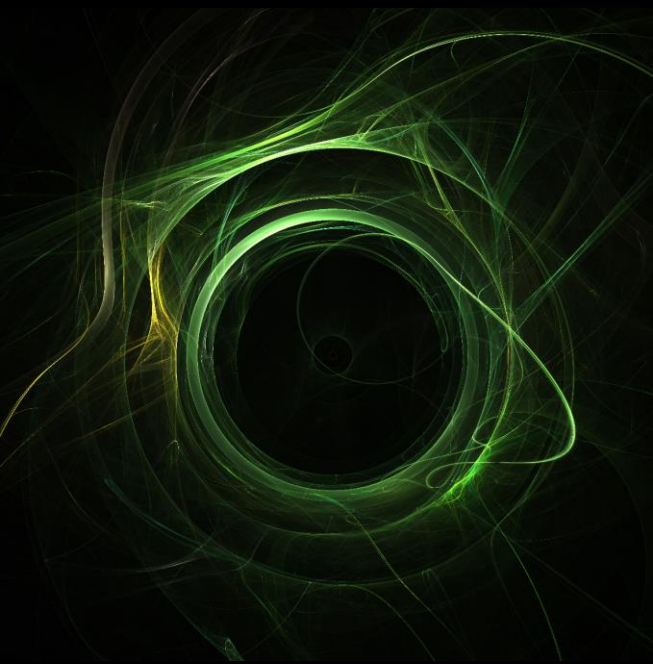




Tiêu điểm trong ấn phẩm:

1. Quản lý thuế

- Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực thuế, hải quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí tiêu hủy nguyên vật liệu nhập khẩu dư thừa trong quá trình sản xuất hàng xuất khẩu
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí tiền lương trả cho những ngày phép chưa nghỉ

3. Thuế Giá trị gia tăng

- kê khai bổ sung hóa đơn Giá trị gia tăng mua vào
- Hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư khác tỉnh trụ sở chính
- Hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu
- Không được lập hóa đơn điện tử điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót
- Xác định giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản
- Kê khai khấu trừ thuế Giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu qua kiểm tra sau thông quan
- Hóa đơn điều chỉnh lập không đúng quy định

4. Thuế Thu nhập cá nhân

- Thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân nước ngoài được bổ nhiệm sang Việt Nam làm việc
- Thuế Thu nhập cá nhân đối với trường hợp ủy quyền cho tặng bất động sản

5. Thuế Nhà thầu nước ngoài

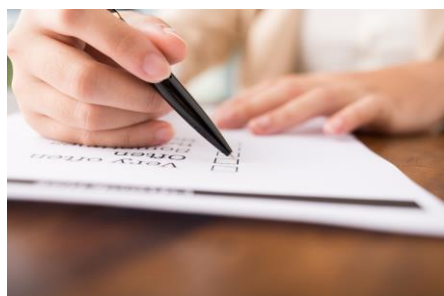
- Thuế Nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ thanh lý tài sản
- Thuế Nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ cung cấp quyền sử dụng các tiện ích trên nền tảng công nghệ có sẵn

6. Thương mại & Hải quan

- Chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất sang doanh nghiệp không hưởng chính sách doanh nghiệp chế xuất
- Tái xuất nguyên liệu nhập sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu đã thay đổi mục đích sử dụng
- Hóa đơn Giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ
- Thanh lý nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu của doanh nghiệp FDI
- Khai bổ sung phí bản quyền đối với hàng hóa nhập khẩu
- Ấn định thuế và phạt chậm nộp do thay đổi mục đích sử dụng nguyên liệu nhập khẩu nhưng không kê khai, nộp thuế theo quy định



Quản lý thuế



VĂN BẢN MỚI

Quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực thuế, hải quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

Ngày 22/07/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-BTC công bố kèm theo 31 thủ tục hành chính (“TTHC”) mới ban hành, 114 TTHC sửa đổi thay thế, 75 TTHC bãi bỏ trong lĩnh vực thuế và 01 TTHC mới trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, ngày 24/08/2022, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1710/QĐ-BTC công bố kèm theo 01 TTHC được sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài Chính, liên quan đến thủ tục gia hạn nộp thuế.

(Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22/07/2022 và số 1710/QĐ-BTC ngày 24/08/2022 ban hành bởi Bộ Tài chính)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Thu nhập doanh nghiệp



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Trường hợp công ty được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2, Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của công ty;
- Doanh thu được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin là doanh thu từ dịch vụ mới, không bao gồm các dịch vụ đã có trên thị trường. Tiêu chí và cơ sở xác định dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin là dịch vụ mới thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; và

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong kỳ để được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi thuế TNDN thực hiện phân bổ theo quy định.

Mức ưu đãi và thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, Điều 3, Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.
- Thời gian miễn thuế giảm thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tính liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm đầu tiên được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì năm đầu tiên tính thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

- Trong thời gian đang được ưu đãi miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, nếu có năm doanh nghiệp khoa học và công nghệ không đáp ứng điều kiện về doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu năm của doanh nghiệp, thì năm đó doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được hưởng ưu đãi và được tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã hoặc đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi doanh nghiệp khoa học và công nghệ) mà được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thì thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo điều kiện doanh nghiệp khoa học và công nghệ được xác định bằng thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN áp dụng cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ trừ đi thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác.

(Công văn số 42225/CTHN-TTHT ngày 26/08/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Thu nhập doanh nghiệp



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí tiêu hủy nguyên vật liệu nhập khẩu dư thừa trong quá trình sản xuất hàng xuất khẩu

Trường hợp công ty có nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, do nguyên vật liệu dư thừa trong quá trình sản xuất sản phẩm công ty phải tiêu hủy thì chi phí này không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định.

(Công văn số 13986/CTBDU-TTHT ngày 06/09/2022 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Bình Dương)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí tiền lương trả cho những ngày phép chưa nghỉ

Trường hợp công ty có chi trả khoản tiền lương cho những ngày chưa nghỉ hằng năm của người lao động phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành thì công ty được tính các khoản chi phí nêu trên vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Căn cứ Điều 113 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về nghỉ hằng năm, người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao trong trường hợp thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.

(Công văn số 39064/CTHN-TTHT ngày 09/08/2022 ban hành bởi Cục thuế TP. Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Giá trị gia tăng



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Kê khai bổ sung hóa đơn Giá trị gia tăng mua vào

Trường hợp công ty kê khai bổ sung một số hóa đơn Giá trị gia tăng (“GTGT”) hàng hóa, dịch vụ mua vào (phát sinh từ tháng 01/2021 đến tháng 09/2021) vào kỳ tính thuế tháng 10 và tháng 11/2021 trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, cụ thể:

- Nếu khai bổ sung dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế đã được ngân sách nhà nước hoàn trả thì phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc số tiền thuế đã được hoàn thừa và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có); hoặc

- Nếu khai bổ sung chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau thì phải kê khai vào kỳ tính thuế hiện tại. Người nộp thuế chỉ được khai bổ sung tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

(Công văn số 3059/TCT-KK ngày 18/08/2022 ban hành bởi Tổng Cục thuế)

Hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Trường hợp công ty phát sinh thuế GTGT đầu vào của chi phí xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị lắp đặt cho dự án đầu tư và đã đi vào hoạt động, công ty kê khai số thuế còn được khấu trừ của dự án đầu tư cùng thuế GTGT được khấu trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh tại tờ khai 01/GTGT thì công ty được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2, Thông tư số 25/2018/TT-BTC.

Công ty phải đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế quy định tại khoản 10, Điều 1, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 và Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính.

(Công văn số 2861/CTLAN-TTHT ngày 22/08/2022 ban hành bởi Cục thuế Long An)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Giá trị gia tăng



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư khác tỉnh trụ sở chính

Công ty thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới tại địa phương khác tỉnh trụ sở chính thì thực hiện kê khai, hoàn thuế GTGT như sau:

- Trường hợp công ty đã thành lập chi nhánh đóng tại tỉnh khác tỉnh trụ sở chính nhưng không bàn giao cho chi nhánh trực tiếp quản lý dự án tại tỉnh đó, chi nhánh hạch toán phụ thuộc, không có tài khoản ngân hàng và chưa lưu giữ sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ của dự án thì công ty lập hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế GTGT riêng cho dự án đầu tư tại tỉnh khác tỉnh trụ sở chính và nộp cho cục thuế quản lý tại địa phương đó.
- Đồng thời phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh. Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án mới chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.
- Trường hợp công ty có quyết định bàn giao để chi nhánh tại tỉnh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính thay mặt công ty trực tiếp quản lý dự án tại tỉnh đó, chi nhánh có con dấu theo quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản gửi tại ngân hàng thì chi nhánh phải lập hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế GTGT riêng với cục thuế quản lý tại địa phương đó.
- Khi dự án đầu tư để thành lập doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, công ty phải tổng hợp thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho chi nhánh mới thành lập để thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 1, Thông tư số 130/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

(Công văn số 2697/CTBNI-TTHT ngày 07/09/2022 ban hành bởi Cục thuế Bắc Ninh)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Gián thu



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Không được lập hóa đơn điện tử điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót

Trường hợp công ty đang áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính, khi bán hàng hóa, dịch vụ công ty và khách hàng xác định giá tạm tính để lập hóa đơn và thanh toán, sau đó bên bán và bên mua đối chiếu lại giá bán để lập hóa đơn điều chỉnh lại cho phù hợp, theo đó, việc lập hóa đơn điều chỉnh được thực hiện như sau:

Công ty và người mua lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, sau đó công ty lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn đã lập có sai phải có dòng chữ “Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Hóa đơn điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh và 01 (một) hóa đơn điện tử chỉ điều chỉnh cho 01 (một) hóa đơn điện tử có sai sót (không lập hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn có sai sót). Người bán và người mua căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh để kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định.

(Công văn số 2704/CTBNI-TTHT ngày 08/09/2022 ban hành bởi Cục thuế Bắc Ninh)

Kê khai khấu trừ thuế Giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu qua kiểm tra sau thông quan

Trường hợp sau khi kiểm tra thông quan, công ty có phát sinh phải nộp thêm thuế GTGT theo quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan, thì số thuế GTGT đã nộp được khấu trừ toàn bộ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ tính thuế. Các điều kiện tại Điều 14, Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, Điều 47, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội và khoản 4, Điều 7, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ phải được thỏa mãn.

Lưu ý: Các khoản phạt do gian lận, trốn thuế không được khấu trừ cho mục đích tính thuế GTGT và thuế TNDN.

(Công văn số 40071/CTHN-TTHT ngày 15/08/2022 ban hành bởi Cục thuế Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Giá trị gia tăng



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Xác định giá tính thuế Giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Trường hợp công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT. Giá đất được trừ để tính thuế GTGT thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, điểm a.4, khoản 10, Điều 7, Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Cụ thể là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.

Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.

Kể từ ngày 12/09/2022, trường hợp công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị định số 49/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 4, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP nêu trên.

Cụ thể, là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng và cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có). Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng.

(Công văn số 43725/CTHN-TTHT ngày 06/09/2022 ban hành bởi Cục thuế Hà Nội)

Hóa đơn điều chỉnh lập không đúng quy định

Trường hợp công ty đang sử dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính, khi phát hiện hóa đơn điện tử đã lập theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính có sai sót thì công ty lập hóa đơn mới thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót.

Trường hợp công ty không lập hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn đã lập theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC có sai sót mà lập hóa đơn mới điều chỉnh cho hóa đơn có sai sót là không đúng với nội dung hướng dẫn tại khoản 6 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Công văn số 2685/CTBNI-TTHT ngày 06/09/2022 ban hành bởi Cục thuế Bắc Ninh)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

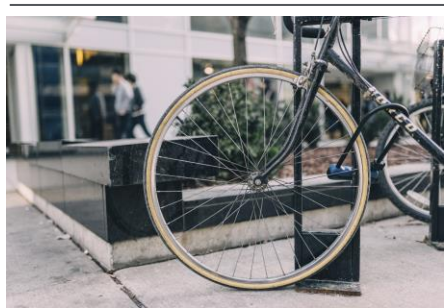
Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thuế Thu nhập cá nhân



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân nước ngoài được bổ nhiệm sang Việt Nam làm việc

Trường hợp cá nhân nước ngoài được bổ nhiệm sang Việt Nam làm việc thì mức thuế suất khấu trừ thuế Thu nhập cá nhân (“TNCN”) căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam. Theo đó, công ty tạm khấu trừ thuế theo biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế) theo quy định điểm b.3, khoản 1, Điều 25, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú tại Việt Nam trong năm dương lịch theo hướng dẫn tại Điều 1, Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì kỳ quyết toán thuế đầu tiên của cá nhân này được tính theo năm dương lịch từ ngày 01/01 đến 31/12 của năm đó theo quy định tại khoản 11, Điều 3 và điểm b, khoản 2, Điều 44, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

(Công văn số 35195/CTHN-TTHT ngày 19/7/2022 ban hành bởi Cục Thuế Hà Nội)

Thuế Thu nhập cá nhân đối với trường hợp ủy quyền cho tặng bất động sản

Trường hợp cá nhân sở hữu bất động sản có hợp đồng ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân khác (tại hợp đồng ủy quyền quy định cá nhân này không có bất cứ khoản thù lao nào từ việc nhận ủy quyền) để thực hiện toàn bộ các thủ tục cho tặng bất động sản cho chi ruột của người sở hữu bất động sản, thì thu nhập từ nhận quà tặng là bất động sản của người chi ruột thuộc trường hợp miễn thuế TNCN theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 3, Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Công văn số 39281/CTHN-TTHT ngày 10/8/2022 ban hành bởi Cục Thuế Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thuế nhà thầu nước ngoài



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế Nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ thanh lý tài sản

Trường hợp công ty là nhà thầu nước ngoài (“NTNN”) đang thực hiện kê khai và nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp có phát sinh thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản tại Việt Nam thì thu nhập này thuộc đối tượng chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Doanh thu tính thuế và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

(Công văn số 40743/CTHN-TTHT ngày 18/08/2022 ban hành bởi Cục thuế Hà Nội)

Thuế Nhà thầu nước ngoài đối với thu nhập từ cung cấp quyền sử dụng các tiện ích trên nền tảng công nghệ có sẵn

Trường hợp nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa nhà thầu nước ngoài với công ty tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng nghĩa vụ thuế theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp công ty là nhà thầu nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế và nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư số 80/2021/TT-BTC, thì công ty Việt Nam có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài số thuế phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC như sau:

- Về thuế TNDN: Thu nhập NTNN nhận được do cung cấp quyền sử dụng các tiện ích trên nền tảng công nghệ có sẵn được xác định là thu nhập từ bản quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 103/2014/TT-BTC, tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10%.
- Về thuế GTGT: Thu nhập NTNN nhận được do cung cấp quyền sử dụng các tiện ích trên nền tảng công nghệ có sẵn nếu không phải là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ và không phải là chuyển giao công nghệ theo quy định tại luật chuyển giao công nghệ thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, tỷ lệ (%) để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với dịch vụ là 5%.

(Công văn số 42786/CTHN-TTHT ngày 30/08/2022 ban hành bởi Cục thuế Hà Nội)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất sang doanh nghiệp không hưởng chính sách doanh nghiệp chế xuất

Đối với số hàng đã mua từ nội địa: doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”) phải kê khai tờ khai hải quan mới, nộp đủ thuế trước khi chuyển đổi thành doanh nghiệp thường và không được xét hoàn lại tiền thuế nhập khẩu nộp thừa.

Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài làm tài sản cố định (“TSCĐ”):

Nếu doanh nghiệp sau chuyển đổi vẫn đáp ứng điều kiện ưu đãi theo pháp luật đầu tư, pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì tiếp tục kế thừa ưu đãi miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tạo TSCĐ của dự án đầu tư trước khi chuyển đổi.

Trường hợp này, DNCX thực hiện thủ tục khai thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa tạo TSCĐ đã nhập khẩu miễn thuế tương tự trường hợp thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tượng cũng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế theo quy định. Doanh nghiệp sau chuyển đổi không phải thông báo Danh mục miễn thuế đối với các hàng hóa tạo TSCĐ đã nhập khẩu miễn thuế trước đây.

Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển đổi, doanh nghiệp thực hiện báo cáo định kỳ tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế hàng năm theo quy định.

Riêng các hàng hóa nhập khẩu tạo TSCĐ sau thời điểm chuyển đổi, doanh nghiệp chỉ được miễn thuế nếu có thông báo Danh mục miễn thuế trước khi nhập khẩu.

(Công văn số 3292/TCHQ-TXNK ngày 09/08/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)

Hóa đơn Giá trị gia tăng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ

Trường hợp doanh nghiệp nội địa kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu), thì:

- **Tại thời điểm làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ:** Người khai hải quan nộp Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (bản chụp) thay hóa đơn GTGT thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho cơ quan hải quan.
- **Khi làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ:** Người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan kèm hóa đơn GTGT (bản chụp) thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho cơ quan hải quan.

(Công văn số 8042/BTC-TCHQ ngày 12/08/2022 ban hành bởi Bộ Tài chính)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường



Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Tái xuất nguyên liệu nhập sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu đã thay đổi mục đích sử dụng

- Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc tự nhập khẩu để cung ứng hợp đồng gia công xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu và không chịu thuế GTGT. Khi có thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức tái xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan phải khai tờ khai hải quan mới (mã loại hình A42), nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt theo quy định (nếu có). Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới, người nộp thuế kê khai tờ khai xuất khẩu theo hướng dẫn tại công văn 4032/TCHQ-GSQL ngày 16/08/2021 của Tổng cục Hải quan.

- Trường hợp người xuất khẩu là người nhập khẩu ban đầu hoặc người được người nhập khẩu ban đầu ủy quyền, ủy thác xuất khẩu và hàng hóa đáp ứng điều kiện không thu thuế xuất khẩu, hoàn thuế nhập khẩu thì sử dụng mã loại hình B13. Trên tờ khai xuất khẩu tại chỉ tiêu "Phần ghi chú" của tờ khai điện tử hoặc "Ghi chép khác" của tờ khai giấy, ngoài việc kê khai theo hướng dẫn của Công văn số 4032/TCHQ-GSQL ngày 16/08/2021 của Tổng cục Hải quan, trên tờ khai xuất khẩu B13 phải khai thông tin số tờ khai nhập khẩu của hàng hóa nhập khẩu trước đây (E31 hoặc E21) và tờ khai chuyển mục đích sử dụng A42, khai rõ "Hàng nhập khẩu chưa qua sử dụng, gia công, chế biến".

(Công văn số 1220/HQBH-NV ngày 11/08/2022 ban hành bởi Chi cục Hải quan Biên Hòa)

Thanh lý nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu của doanh nghiệp FDI

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu thuộc sở hữu của doanh nghiệp FDI (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) được thanh lý theo hình thức xuất khẩu.

Mã loại hình tờ khai xuất khẩu áp dụng trên cơ sở bản chất hoạt động xuất khẩu và căn cứ quy định tại Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/05/2021 và các công văn hướng dẫn về mã loại hình của Tổng cục Hải quan.

Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp FDI nhập khẩu hàng hóa sau đó xuất khẩu chính hàng hóa đó (chưa qua gia công, chế biến) thì hoạt động này phù hợp với loại hình kinh doanh tạm nhập – tái xuất, mà theo quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ, doanh nghiệp FDI không được thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất.

(Công văn số 1214/GSQL-GQ2 ngày 22/08/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Thương mại & Hải quan



VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Khai bổ sung phí bản quyền đối với hàng hóa nhập khẩu

Trường hợp khoản phí bản quyền của hàng hóa nhập khẩu phải cộng vào vào trị giá hải quan nhưng chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai do phụ thuộc vào doanh thu bán hàng hóa sau nhập khẩu hay lý do khác được quy định cụ thể tại hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc văn bản thỏa thuận riêng về việc trả phí bản quyền, người khai hải quan phải:

- Khai báo rõ lý do chưa khai báo được khoản phí bản quyền trên tờ khai hải quan;
- Khai báo, tính số thuế phải nộp đối với khoản phí bản quyền xác định được trên tờ khai bổ sung sau thông quan và nộp đủ tiền thuế theo quy định. Thời hạn nộp thuế là 05 ngày làm việc kể từ thời điểm xác định được khoản phí này.

Người nhập khẩu căn cứ hồ sơ, chứng từ, tài liệu có liên quan để xác định và chịu trách nhiệm về thời điểm xác định được phí bản quyền điều chỉnh. Phí bản quyền này sẽ được cộng vào trị giá hải quan kê khai tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu để kê khai, nộp thuế với cơ quan hải quan.

Trường hợp phí bản quyền được trả nhiều lần (thanh toán theo quý) do phụ thuộc vào số lượng hàng nhập khẩu bán ra tại thị trường Việt Nam, thì khi xác định được khoản phí này công ty phải phân bổ, kê khai nộp bổ sung tiền thuế cho đến khi phân bổ hết phí bản quyền đối với hàng hóa nhập khẩu của tờ khai.

(Công văn số 3489/TCHQ-TXNK ngày 23/08/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)

Ấn định thuế và phạt chậm nộp do thay đổi mục đích sử dụng nguyên liệu nhập khẩu nhưng không kê khai, nộp thuế theo quy định

Trường hợp cơ quan hải quan hoặc cơ quan chức năng khác kiểm tra và phát hiện người nộp thuế tự ý thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng không kê khai, nộp thuế theo quy định, thì người nộp thuế sẽ:

- Bị ấn định số tiền thuế phải nộp theo tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu ban đầu, và
- Nộp tiền chậm nộp. Thời điểm tính chậm nộp là kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai ban đầu.

(Công văn số 3674/TCHQ-TXNK ngày 06/09/2022 ban hành bởi Tổng cục Hải quan)



Liên hệ

Website: deloitte.com/vn

Email: deloittevietnam@deloitte.com

Bản tin Thuế & Hải quan cho mục đích tham khảo chuyên môn, không phát hành hoặc bán trên thị trường





Liên hệ với chúng tôi



Thomas McClelland
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
+84 28 7101 4333
tmccllland@deloitte.com



Bùi Ngọc Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0021
tbui@deloitte.com



Bùi Tuấn Minh
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0022
mbui@deloitte.com



Phan Vũ Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4345
hoangphan@deloitte.com



Đinh Mai Hạnh
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0050
handinh@deloitte.com



Tất Hồng Quân
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4341
quantat@deloitte.com



Võ Hiệp Vân An
Phó Tổng Giám đốc
+84 28 7101 4444
avo@deloitte.com



Vũ Thu Nga
Phó Tổng Giám đốc
+84 24 7105 0023
ngavu@deloitte.com



Bob Fletcher
Giám đốc Dịch vụ Hải quan
+84 28 7101 4398
fletcherbob@deloitte.com

Văn phòng Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7105 0000
Fax: +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 28 7101 4555
Fax: +84 28 3910 0750
deloittevietnam@deloitte.com

Deloitte.



Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chi nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung và nhằm mục đích tham khảo, do vậy, không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là “Tổ chức Deloitte”) và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Tài liệu này không cấu thành ý kiến tư vấn đối với người đọc và sẽ không ảnh hưởng đến các ý kiến tư vấn khác do bất kỳ nhân viên của Tổ chức Deloitte cung cấp. Những thông tin thể hiện trong tài liệu này không áp dụng đối với các trường hợp riêng biệt của doanh nghiệp. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào. DTTL và mỗi thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý.